

Bản án số: 22/2020/HNGĐ-ST
Ngày 25-6-2020
V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU – TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trang Thái Châu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hồng Phúc;

Ông Nguyễn Thành Tới.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Tiến Danh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thảo Nguyên - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 167/2020/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2020 về việc “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Đông Minh T, sinh năm 1987. *Vắng mặt*

Địa chỉ cư trú: Khu phố X, phường Y, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

2. Bị đơn: Chị Lê Thị Lệ H, sinh năm 1986. *Vắng mặt*

Địa chỉ cư trú: Khu phố X, phường Y, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

Địa chỉ tạm trú: Ấp X1, xã Y1, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29/5/2020 và trong quá trình làm việc, nguyên đơn - anh Đông Minh T đã khai: Anh T và chị Lê Thị Lệ H tự nguyện chung sống vào năm 2008, có đăng ký kết hôn và được UBND xã Y, huyện Trảng Bàng (nay là phường Y, thị xã Trảng Bàng), tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận kết hôn số: **114 ngày 20 tháng 6 năm 2008**. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng

quan điểm sống, không còn hợp nhau về tính tình; từ đó dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn và thời gian ly thân đã lâu nên anh T yêu cầu ly hôn với chị Lê Thị Lệ H.

- Về con chung: Anh T và chị H có hai con chung tên là Đồng Minh M, sinh ngày 30/5/2009 và Đồng Minh N, sinh ngày 12/01/2017; hiện cháu M và cháu N đang sống cùng chị H. Khi ly hôn, anh T đồng ý giao cháu M và cháu N cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng; anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh T và chị H không có nên không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Anh T cam kết anh T và chị H không có nợ chung.

Bị đơn – chị Lê Thị Lệ H đã khai: Về quan hệ hôn nhân và thời gian ly thân đúng như lời trình bày của anh T. Tuy nhiên về nguyên nhân mâu thuẫn như anh T khai thì còn nguyên nhân khác là do anh T không quan tâm và phụ giúp kinh tế gia đình nên vợ chồng thường xuyên xảy ra gây gổ; từ đó dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc và ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn và mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T.

- Về con chung: Chị H và anh T có hai con chung tên là Đồng Minh M, sinh ngày 30/5/2009 và Đồng Minh N, sinh ngày 12/01/2017; hiện cháu M và cháu N đang sống cùng chị H. Khi ly hôn, chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu M và cháu N; không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị H và anh T không có nên không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Chị H cam kết chị H và anh T không có nợ chung.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 **Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015** xét xử vắng mặt họ là đúng theo qui định pháp luật. Kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Kiểm sát viên không phát hiện vi phạm tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của anh Đồng Minh T đối với chị Lê Thị Lệ H.

Về án phí: Anh T phải chịu án phí theo qui định của pháp luật, chị H không phải chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các bên cung cấp và qua kết quả thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Anh Đông Minh T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu giải quyết hôn nhân giữa anh T và chị Lê Thị Lệ H, chị H đang tạm trú tại huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu theo qui định tại Điều 28 và Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Trong quá trình giải quyết, anh T và chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do đó căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt họ là đúng qui định.

[2] Về hôn nhân: Giữa anh Đông Minh T và chị Lê Thị Lệ H có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện Trảng Bàng (nay là phường Y, thị xã Trảng Bàng), tỉnh Tây Ninh và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: **114 ngày 20 tháng 6 năm 2008** là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, anh T và chị H đều thừa nhận có phát sinh nhiều mâu thuẫn, không thể hòa giải, hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn và thời gian ly thân kéo dài. Trong quá trình giải quyết, Tòa án tiến hành hòa giải để tạo điều kiện cho anh T và chị H hàn gắn, đoàn tụ nhưng chị H có đơn đề nghị hoà giải và xét xử vắng mặt, chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T. Xét thấy, hôn nhân giữa anh T và chị H đã lâm vào tình trạng trầm M, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của anh T đối với chị H là có cơ sở chấp nhận theo qui định tại Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Anh T và chị H thống nhất có hai con chung tên Đồng Minh M, sinh ngày 30/5/2009 và Đồng Minh N, sinh ngày 12/01/2017. Anh T và chị H thống nhất giao cháu M, cháu N cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, từ ngày ly thân chị H chăm sóc con tốt, đảm bảo quyền học tập, đảm bảo quyền lợi cho cháu M, cháu N và cháu M cũng có nguyện vọng sống với chị H. Do đó, cần tiếp tục giao cháu M, cháu N cho chị H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; ghi nhận chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Anh T và chị H không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Anh T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, chị H không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Đồng Minh T đối với chị Lê Thị Lệ H. Anh T được ly hôn với chị H.

2. Về con chung: Giao con chung tên Đồng Minh M, sinh ngày 30/5/2009 và Đồng Minh N, sinh ngày 12/01/2017 cho chị H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; ghi nhận chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Không ai được cản trở anh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh Đồng Minh T và chị Lê Thị Lệ H không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Anh Đồng Minh T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, cho khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số: **0014275 ngày 01/6/2020** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Chị Lê Thị Lệ H không phải chịu án phí.

5. Về quyền kháng cáo bản án: Anh Đồng Minh T và chị Lê Thị Lệ H có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp pháp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Bến Cầu;
- C.c THADS huyện Bến Cầu;
- UBND phường Y (lưu);
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trang Thái Châu